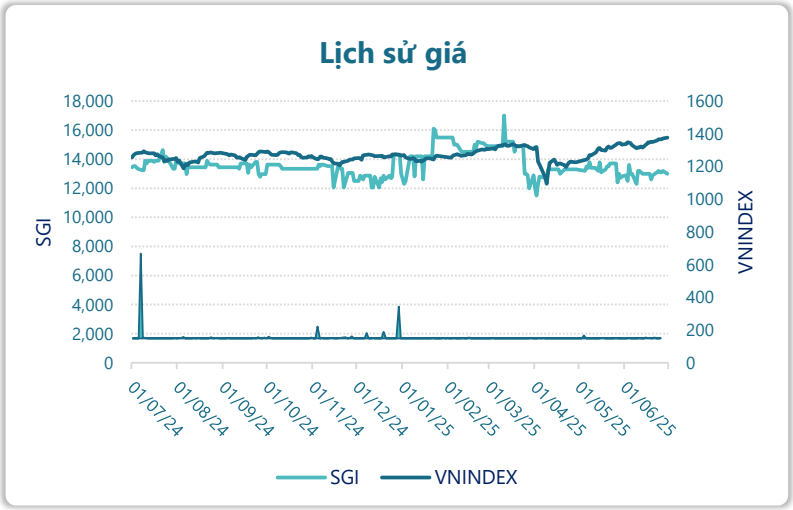
CTCP Đầu tư phát SGI Holdings (UPCOM: SGI)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,500
SL cổ phiếu LH	75,464,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	72,645
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	981
P/E	20.1
EPS	648

DT thuần

Q2/25

547

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 57.0| 11.7%

YoY: ▲ 239| 77.7%

LN sau thuế

Q2/25

-15.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼64.6| -132%

YoY: ▼21.8| -358%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.2%

+/- YoY: ▼ 8.0%

DT thuần

6T 2025

1,037

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 436| 72.7%

LN sau thuế

6T 2025

33.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 82.8| 167%

ROE

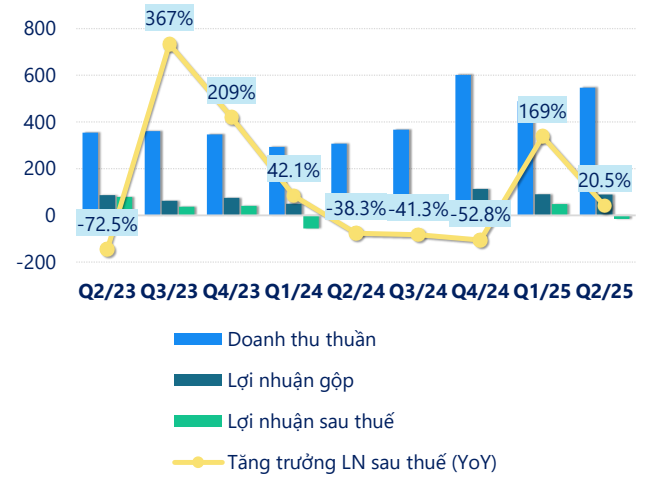
Q2/25

1.7%

+/- YoY: ▲ 0.6%

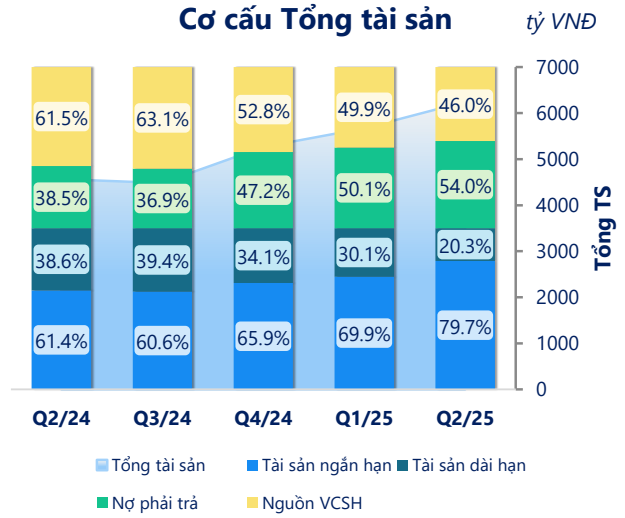
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



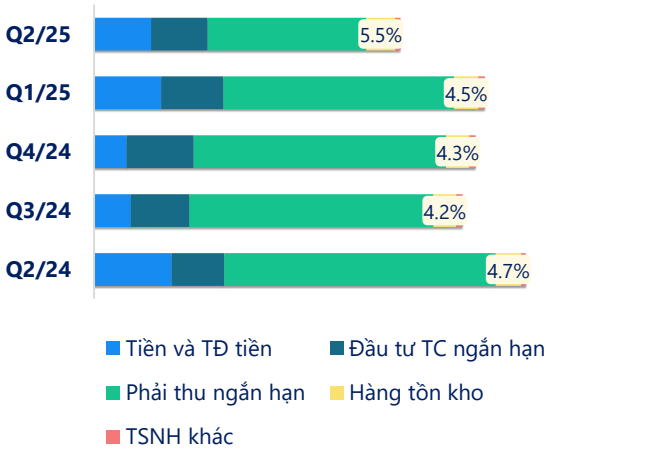
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



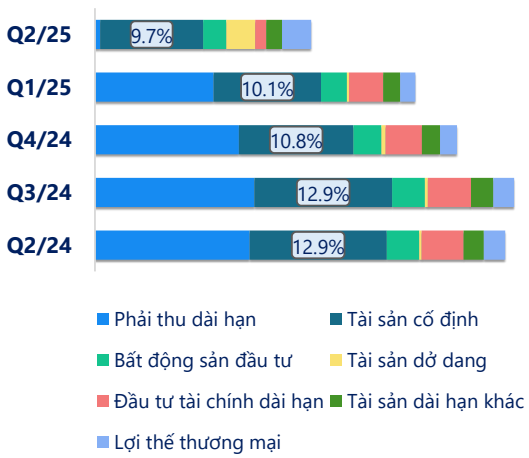
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



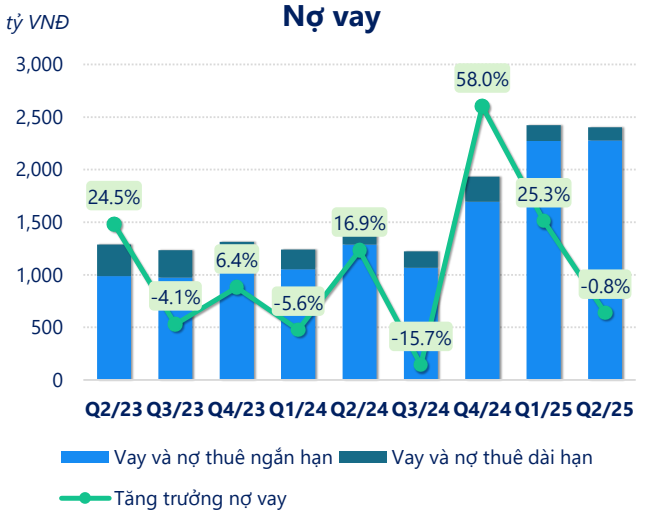
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



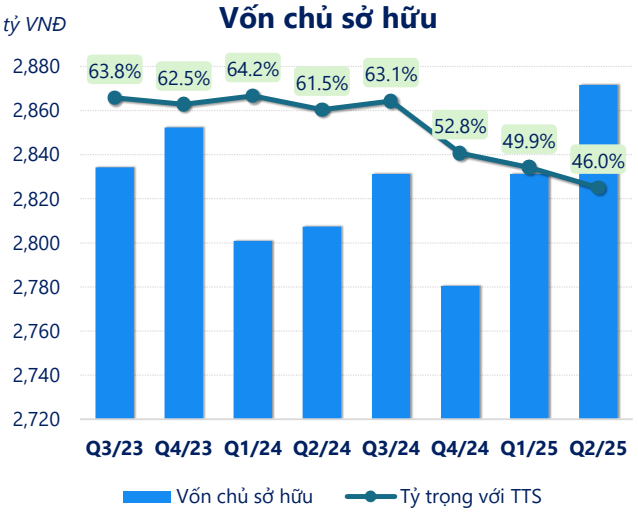
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



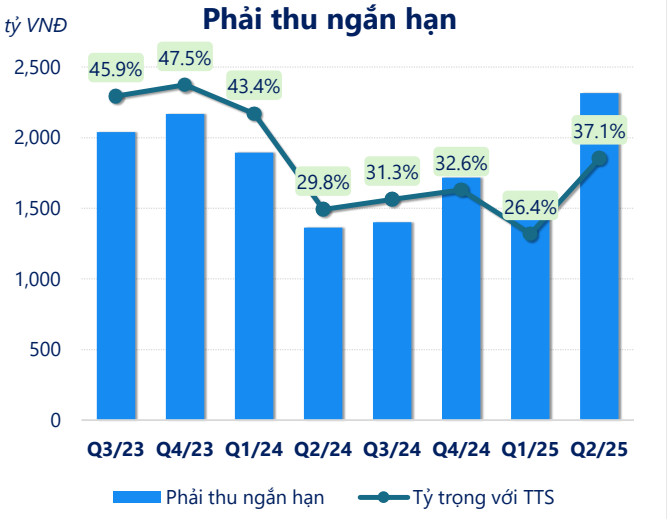
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



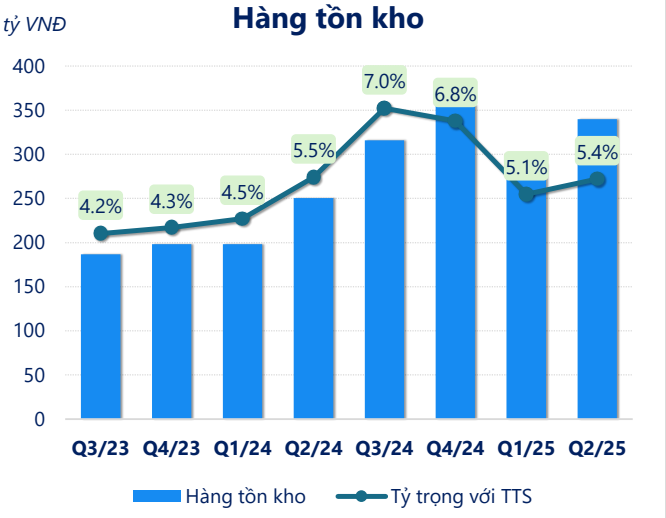
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



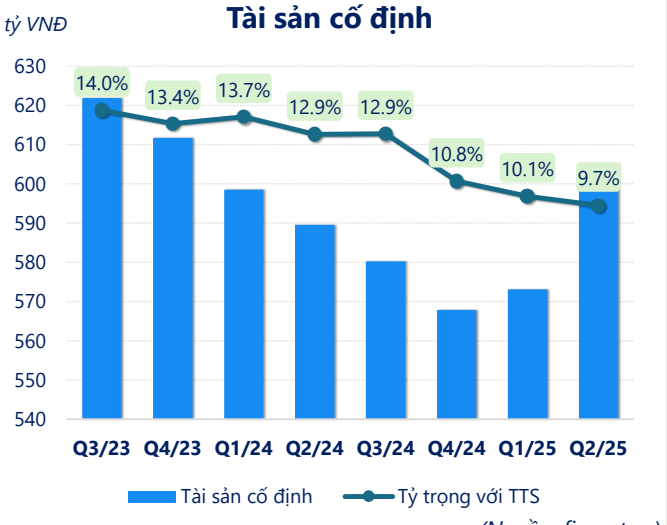
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



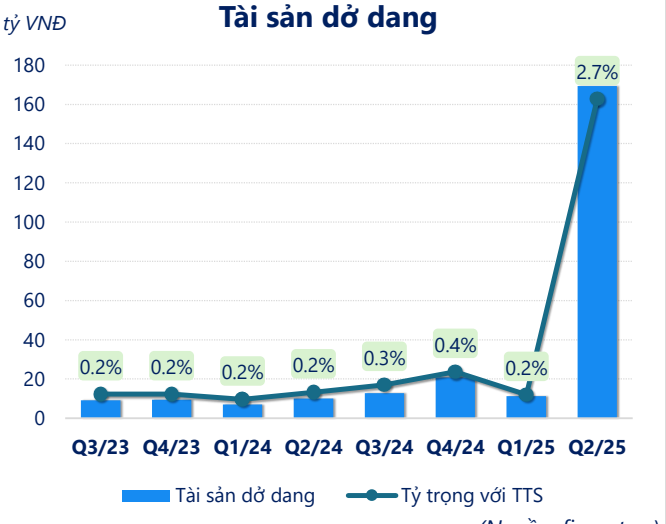
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



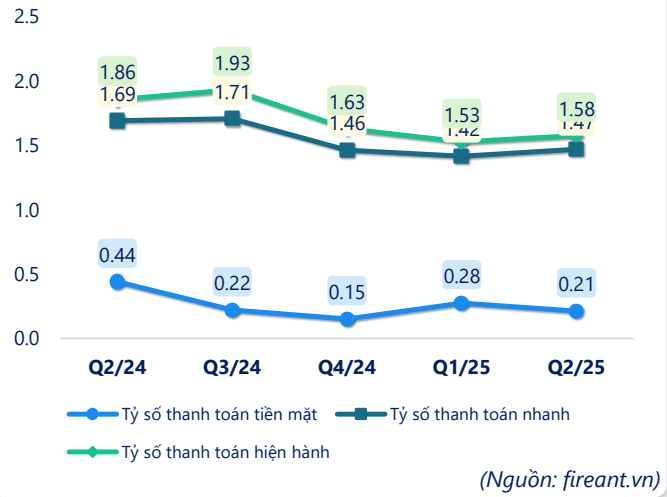
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



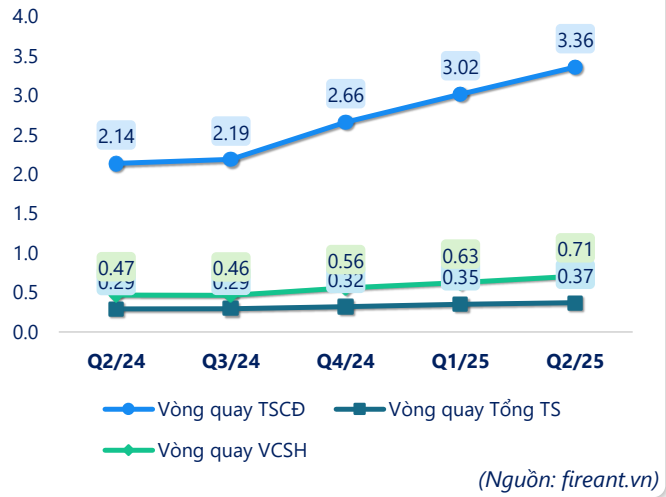
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**4,568**	**4,483**	**5,264**	**5,668**	**6,245**
Tài sản ngắn hạn	**2,806**	**2,716**	**3,471**	**3,961**	**4,975**
Tiền và tương đương tiền	666	311	323	715	670
Đầu tư tài chính ngắn hạn	484	639	1,030	1,407	1,573
Phải thu ngắn hạn	1,363	1,401	1,716	1,496	2,316
Hàng tồn kho	250	316	356	289	340
Tài sản ngắn hạn khác	43.6	48.8	47.2	54.7	75.1
Tài sản dài hạn	**1,762**	**1,767**	**1,793**	**1,707**	**1,271**
Phải thu dài hạn	664	672	712	632	30.4
Tài sản cố định	590	580	568	573	605
Bất động sản đầu tư	140	139	138	137	136
Tài sản dở dang	10.1	12.8	20.8	11.3	169
Đầu tư tài chính dài hạn	179	181	180	182	65.3
Tài sản dài hạn khác	88.0	94.8	89.4	90.7	91.8
Lợi thế thương mại	90.8	87.6	84.3	81.1	173
Nợ phải trả	**1,761**	**1,652**	**2,484**	**2,837**	**3,374**
Nợ ngắn hạn	**1,512**	**1,407**	**2,131**	**2,595**	**3,156**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,288	1,068	1,695	2,273	2,277
Phải trả người bán ngắn hạn	64.3	157	166	133	325
Nợ dài hạn	248	245	352	242	218
Vay và nợ thuê dài hạn	163	155	238	149	126
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,807**	**2,831**	**2,781**	**2,831**	**2,872**
Vốn chủ sở hữu	**2,807**	**2,831**	**2,781**	**2,831**	**2,872**
Vốn điều lệ	755	755	755	755	755
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)